

**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU**  
**TỔNG HỢP II**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008**

## MỤC LỤC

---

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 33

# **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp II (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### **1. Các thông tin chung**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp II được chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp II, số đăng ký kinh doanh: 102215 do Ủy Ban Kế Hoạch Thành phố cấp ngày 21 tháng 3 năm 1995), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103005373 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở được đặt tại 216/4 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Mua bán nông lâm hải sản, ô tô, xe máy; máy móc, thiết bị lẻ, thiết bị toàn bộ, phụ tùng ô tô các loại, phương tiện vận tải; dây chuyền sản xuất; phôi thép, thép thông dụng, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, trang thiết bị, vật tư cho ngành điện - điện tử - điện lạnh, vật tư, thiết bị văn phòng - ngành in - công nghệ thông tin tin học, vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gia dụng.
- Sản xuất, gia công dệt len, dệt may, dệt vớ cao cấp, may kimono xuất khẩu, bao bì (trừ tủy, nhuộm, hồ, in, gia công cơ khí, chế biến gỗ, in trang bao bì kim loại, gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Dịch vụ xuất khẩu lao động, chuyên gia.
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.
- Kinh doanh, xây dựng nhà.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, kim loại, sản phẩm bằng kim loại, thực phẩm chế biến – tươi sống – đông lạnh, vải, sợi, hàng may mặc, sản phẩm dệt, giày dép, túi xách, dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ), hàng trang trí nội thất, vật tư ngành điện – nước, mỹ phẩm, dụng cụ, vật liệu cắt uốn tóc (ghế cắt tóc, bồn gội đầu), plastic và sản phẩm bằng plastic, cao su và sản phẩm bằng cao su, xà phòng, nước hoa, nước thơm, thảm và hàng dệt trải sàn khác, đèn các loại, khung đệm giường và hàng thuộc bộ đồ giường, lông vũ, lông tơ và sản phẩm làm từ lông tơ, lông vũ, hoa nhân tạo, sản phẩm làm từ tóc người, thủy tinh và sản phẩm bằng thủy tinh, máy điện, thiết bị điện và phụ tùng, máy ghi âm và sao âm thanh, máy ghi âm và sao hình ảnh và các bộ phận phụ tùng, đồng hồ và phụ tùng, nhạc cụ và phụ tùng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**

### **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

- Sản xuất và mua bán đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội), đồ uống các loại, rượu, gỗ và mặt hàng từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở).
- Đào tạo ngoại ngữ.
- Đào tạo nghề.
- Tư vấn du học.
- Kinh doanh lẻ hành nội địa, quốc tế.
- Mua bán thiết bị y tế.

Các Xí nghiệp và Chi nhánh của Công ty thực hiện chế độ hạch toán báo sổ, có con dấu riêng được sử dụng trong giao dịch và mở tài khoản ngân hàng ở Việt Nam bao gồm:

- Xí nghiệp Dệt Vớ.
- Xí nghiệp Dệt Len (đã giải thể trong năm 2007).
- Xí nghiệp May Kimono.
- Chi nhánh Hà Nội

#### **2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong niên độ 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ Tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Bùi Vũ Quý	Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Huy Dũng	Ủy viên HĐQT
Ông Bùi Duy Quý	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Đức Cố	Ủy viên HĐQT
Ông Lê Ngọc Đăng	Ủy viên HĐQT

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong niên độ 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ Tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Bùi Vũ Quý	Tổng Giám đốc
Ông Phan Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Hùng	Kế toán trưởng

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**

### **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong niên độ 2008 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trương Thị Ngọc Mỹ	Trưởng Ban
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Bà Phan Thị Huyền Khuyên	Thành viên

#### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2008 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

#### **4. Cam kết của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

#### **5. Kiểm toán viên**

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2008 cho Công ty.

*(Phần tiếp theo ở trang 4)*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**

### **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

#### **6. Ý kiến của Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2009.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**BÙI VŨ QUÝ**

Số: 09.114/BCKT- DTL.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tổng hợp II (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tổng hợp II vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2009.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**TẶNG QUỐC THẮNG**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

**LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG**  
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>241.093.563.387</b>	<b>185.100.301.923</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>15.584.840.860</b>	<b>5.809.334.205</b>
1. Tiền	111	5.1	15.584.840.860	5.809.334.205
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>178.136.377.553</b>	<b>91.690.064.459</b>
1. Phải thu khách hàng	131		136.518.455.688	37.911.645.791
2. Trả trước cho người bán	132		40.517.031.605	51.840.279.477
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		395.581.940	64.056.859
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		715.308.320	1.884.082.332
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(10.000.000)	(10.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>33.601.743.580</b>	<b>76.764.933.702</b>
1. Hàng tồn kho	141		35.810.274.352	76.764.933.702
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.208.530.772)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	5.4	<b>13.770.601.394</b>	<b>10.835.969.557</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.467.512.353	132.385.738
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.799.138.474	3.805.670.352
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.503.950.567	6.897.913.467

(Phần tiếp theo ở trang 7)



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>38.083.552.687</b>	<b>39.116.121.514</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.721.825.711</b>	<b>36.550.402.954</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>5.5</b>	<b>9.732.071.816</b>	<b>11.230.846.616</b>
- Nguyên giá	222		31.862.658.063	31.435.580.463
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.130.586.247)	(20.204.733.847)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>			
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>5.6</b>	<b>23.228.332.542</b>	<b>23.216.382.546</b>
- Nguyên giá	228		23.240.965.882	23.217.715.882
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.633.340)	(1.333.336)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>		<b>2.761.421.353</b>	<b>2.103.173.792</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.361.726.976</b>	<b>2.565.718.560</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.135.802.638	2.351.118.560
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.8	11.324.338	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.9	214.600.000	214.600.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>279.177.116.074</b>	<b>224.216.423.437</b>

(Phần tiếp theo ở trang 8)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>249.596.684.565</b>	<b>194.704.016.463</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>249.128.803.585</b>	<b>190.984.666.982</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	155.733.083.792	92.878.683.237
2. Phải trả người bán	312	5.11	7.630.154.013	4.199.576.104
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	35.649.176.371	49.725.221.683
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	4.295.426.283	5.387.281.405
5. Phải trả người lao động	315		441.573.646	300.936.321
6. Chi phí phải trả	316	5.13	796.214.638	280.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.14	44.583.174.842	38.212.968.232
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>467.880.980</b>	<b>3.719.349.481</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	3.133.489.926
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	5.15	467.880.980	585.859.555
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>29.580.431.509</b>	<b>29.512.406.974</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>29.580.431.509</b>	<b>29.507.866.970</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.16	1.687.737.356	1.646.026.113
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.16	715.085.563	336.687.160
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.16	2.177.608.590	2.525.153.697
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>4.540.005</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	4.540.005
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>279.177.116.074</b>	<b>224.216.423.437</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ		-	-
+ JPY		137.448,51	21.589,51
+ USD		81.295,24	4.766,09
+ EUR		32,67	230,97
+ HKD		77,91	77,91
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 20 tháng 02 năm 2009

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN TRÍ HÙNG**

**BÙI VŨ QUÝ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.116.613.773.786	565.468.659.508
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	219.710.348	32.694.265
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	6.1	1.116.394.063.438	565.435.965.243
4. Giá vốn hàng bán	11	6.1	1.062.630.019.295	530.886.761.169
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	6.1	53.764.044.143	34.549.204.074
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	2.496.903.600	2.304.986.981
7. Chi phí tài chính	22	6.3	22.044.353.091	5.418.979.833
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	6.3	19.909.148.104	4.663.847.976
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	17.454.808.175	11.480.678.135
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	15.386.412.262	15.763.215.859
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		1.375.374.215	4.191.317.228
11. Thu nhập khác	31	6.6	3.737.771.216	1.138.534.391
12. Chi phí khác	32		(126.659.695)	653.641.070
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.864.430.911	484.893.321
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.239.805.126	4.676.210.549
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.7	(11.324.338)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	5.16.1	5.251.129.464	4.676.210.549
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.100	1.870

Ngày 20 tháng 02 năm 2009

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN TRÍ HÙNG**

**BÙI VŨ QUÝ**

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>5.239.805.126</b>	<b>4.676.210.549</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.937.152.404	2.398.303.022
Các khoản dự phòng	03		2.090.552.197	427.837.307
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(129.421.001)	11.565.752
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(681.864.191)	(1.358.820.002)
Chi phí lãi vay	06		19.909.148.104	4.663.847.976
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>28.365.372.639</b>	<b>10.818.944.604</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(87.293.712.685)	(61.472.639.173)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		40.954.659.350	(61.493.641.408)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		174.603.923.373	150.714.741.964
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(5.119.810.693)	(372.835.847)
Tiền lãi vay đã trả	13		(19.909.148.104)	(4.663.847.976)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(158.638.656)	(590.909.808)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		19.799.287.337	23.498.386.410
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(194.501.553.618)	(116.535.364.178)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(43.259.621.056)</b>	<b>(60.097.165.412)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.092.847.888)	(26.481.884.888)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	262.200.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		637.217.694	1.138.119.017
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(455.630.194)</b>	<b>(25.081.565.871)</b>

(Phần tiếp theo ở trang 12)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		780.387.561.332	457.892.651.201
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(724.569.303.427)	(366.933.222.265)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.327.500.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>53.490.757.905</b>	<b>90.959.428.936</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>9.775.506.655</b>	<b>5.780.697.653</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.809.334.205</b>	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	28.636.552
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>15.584.840.860</b>	<b>5.809.334.205</b>

Ngày 20 tháng 02 năm 2009

**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN TRÍ HÙNG****BÙI VŨ QUÝ**

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

*Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

### **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp II (dưới đây gọi tắt là Công ty) được chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp II, số đăng ký kinh doanh: 102215 do Ủy Ban Kế Hoạch Thành phố cấp ngày 21 tháng 3 năm 1995), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103005373 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 VND.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 216/4 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

#### **1.2. Ngành nghề kinh doanh**

- Mua bán nông lâm hải sản, ô tô, xe máy; máy móc, thiết bị lẻ, thiết bị toàn bộ, phụ tùng ô tô các loại, phương tiện vận tải; dây chuyền sản xuất; phôi thép, thép thông dụng, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, trang thiết bị, vật tư cho ngành điện - điện tử - điện lạnh, vật tư, thiết bị văn phòng - ngành in - công nghệ thông tin tin học, vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gia dụng.
- Sản xuất, gia công dệt len, dệt may, dệt vớ cao cấp, may kimono xuất khẩu, bao bì (trừ tủy, nhuộm, hồ, in, gia công cơ khí, chế biến gỗ, in trang bao bì kim loại, gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Dịch vụ xuất khẩu lao động, chuyên gia.
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.
- Kinh doanh, xây dựng nhà.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, kim loại, sản phẩm bằng kim loại, thực phẩm chế biến – tươi sống – đông lạnh, vải, sợi, hàng may mặc, sản phẩm dệt, giày dép, túi xách, dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ), hàng trang trí nội thất, vật tư ngành điện – nước, mỹ phẩm, dụng cụ, vật liệu cắt uốn tóc (ghê cắt tóc, bồn gội đầu), plastic và sản phẩm bằng plastic, cao su và sản phẩm bằng cao su, xà phòng, nước hoa, nước thơm, thắm và hàng dệt trái sản khác, đèn các loại, khung đệm giường và hàng thuộc bộ đồ giường, lông vũ, lông tơ và sản phẩm làm từ lông tơ, lông vũ, hoa nhân tạo, sản phẩm làm từ tóc người, thủy tinh và sản phẩm bằng thủy tinh, máy điện, thiết bị điện và phụ tùng, máy ghi âm và sao âm thanh, máy ghi âm và sao hình ảnh và các bộ phận phụ tùng, đồng hồ và phụ tùng, nhạc cụ và phụ tùng.
- Sản xuất và mua bán đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội), đồ uống các loại, rượu, gỗ và mặt hàng từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở).
- Đào tạo ngoại ngữ.
- Đào tạo nghề.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

- Tư vấn du học.
- Kinh doanh lẻ hàng nội địa, quốc tế.
- Mua bán thiết bị y tế.

Các Xí nghiệp và Chi nhánh của Công ty thực hiện chế độ hạch toán báo sổ, có con dấu riêng được sử dụng trong giao dịch và mở tài khoản ngân hàng ở Việt Nam bao gồm:

- Xí nghiệp Dệt Vớ.
- Xí nghiệp Dệt Len (đã giải thể trong năm 2007).
- Xí nghiệp May Kimono.
- Chi nhánh Hà Nội

## **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

### **2.1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

## **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

#### **4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

#### **4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### **4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

*(Phần tiếp theo ở trang 16)*

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Máy móc thiết bị	4 – 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

#### 4.5. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 1-3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### 4.7. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được ưu đãi miễn thuế TNDN trong năm 2008.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 4.8. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

### 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.381.657.248	77.325.552
Tiền gửi ngân hàng	14.203.183.612	5.732.008.653
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.584.840.860</b>	<b>5.809.334.205</b>

#### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	(5.2.1)	136.518.455.688	37.911.645.791
Trả trước cho người bán	(5.2.2)	40.517.031.605	51.840.279.477
Phải thu nội bộ	(5.2.3)	395.581.940	64.056.859
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>(5.2.4)</b>	<b>715.308.320</b>	<b>1.884.082.332</b>
Dự phòng phải thu khó đòi		(10.000.000)	(10.000.000)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>		<b>178.136.377.553</b>	<b>91.690.064.459</b>

(5.2.1) Chi tiết như sau:

		31/12/2008
Văn phòng Công ty	(a)	79.262.621.011
Chi nhánh Hà Nội	(b)	57.255.834.677
<b>Tổng cộng</b>		<b>136.518.455.688</b>

(a) Một số khách hàng có số dư lớn tại Văn phòng Công ty là:

	31/12/2008	Ngoại tệ USD
Công ty CP TMDV và Máy Tính VENR	13.688.829.777	-
Công ty TNHH Thuận Nhân	12.485.909.978	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty CP Hiệp Minh	8.835.213.742		-
SA SUIKRE EXPORT-SUIKER EXPORT NV	8.321.473.440	#	478.245,60
Công ty CP Hương Vị Việt	6.915.530.221		-
Công ty TNHH TM DV Xây Dựng Toàn Thiện	5.586.200.000		-
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.833.157.158</b>		-

(b) Một số khách hàng có số dư lớn tại Chi nhánh Hà Nội là:

	31/12/2008		Ngoại tệ USD
Công ty TNHH TM Tân Nghệ An	37.616.257.813		-
Công ty CP Thép An Phát	8.755.154.214		-
Sa Sucre export NV	3.187.973.995	#	187.781,94
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.559.386.022</b>		-

(5.2.2) Chi tiết như sau:

	31/12/2008
Văn phòng Công ty	(c) 26.516.140.881
Chi nhánh Hà Nội	(d) 14.000.890.724
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.517.031.605</b>

(c) Một số nhà cung cấp có số dư lớn tại Văn phòng Công ty là:

	31/12/2008		Ngoại tệ USD
Công ty TNHH Cà Phê Hoàng Thiên	4.539.940.200		-
Công ty TNHH Thuận Kiều	9.785.724.381		-
Công ty TNHH TM DV Xây Dựng Toàn Thiện	7.978.385.456		-
JIANGMEN HAOCHENG INDUSTRY&COMMERCE CO.,	2.756.160.000	#	158.400,00
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.060.210.037</b>		-

(d) Một số nhà cung cấp có số dư lớn tại Chi nhánh Hà Nội là:

	31/12/2008		Ngoại tệ USD
Công ty TNHH Cà Phê Hoàng Thiên	12.797.496.096		-
GuangXi Candenly	1.101.092.399	#	64.857,89
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.898.588.495</b>		-

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(5.2.3) Chi tiết như sau:

	<b>31/12/2008</b>
Trung tâm XKLD và dịch vụ	353.726.175
Xí nghiệp dệt vớ	15.584.300
Xí nghiệp may Kimono	26.271.465
<b>Tổng cộng</b>	<b>395.581.940</b>

(5.2.4) Chi tiết như sau:

		<b>31/12/2008</b>
Văn phòng Công ty	(đ)	608.533.995
Chi nhánh Hà Nội	(e)	106.774.325
<b>Tổng cộng</b>		<b>715.308.320</b>

(đ) Chi tiết như sau:

	<b>31/12/2008</b>
Thuế nhập khẩu đang làm thủ tục miễn giảm	251.425.680
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa được khấu trừ	330.694.360
Thuế TNCN của CNV tại Văn phòng Công ty	17.414.910
Trần Văn Trí	2.000.000
Phải thu khác	6.999.045
<b>Tổng cộng</b>	<b>608.533.995</b>

(e) Chi tiết như sau:

	<b>31/12/2008</b>
Tạm ứng mua bảo hiểm cho các lao động thuyền viên	91.554.000
Thuế TNCN của CNV tại Chi nhánh Hà Nội	15.220.325
<b>Tổng cộng</b>	<b>106.774.325</b>

(Phần tiếp theo ở trang 20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**5.3. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa		
- Văn phòng Công ty	20.045.427.386	40.308.965.102
- Chi nhánh Hà Nội	15.764.846.966	36.455.968.600
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>35.810.274.352</b>	<b>76.764.933.702</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho Văn phòng	(2.208.530.772)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>33.601.743.580</b>	<b>76.764.933.702</b>

**5.4. Tài sản ngắn hạn khác**

		Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn (5.4.1)	5.467.512.353	132.385.738	
Thuế GTGT được khấu trừ tại Văn phòng	1.799.138.474	3.805.670.352	
Tài sản ngắn hạn khác (5.4.2)	6.503.950.567	6.897.913.467	
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.770.601.394</b>	<b>10.835.969.557</b>	

(5.4.1) Chi tiết như sau:

		31/12/2008
Văn phòng Công ty (a)	1.882.308.615	
Chi nhánh Hà Nội (b)	3.585.203.738	
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.467.512.353</b>	

(a) Chi tiết chi phí trả trước ngắn hạn tại Văn phòng Công ty như sau:

	31/12/2008
Chi phí nhận hàng	297.557.471
Thuế nhập khẩu truy thu theo TK 96/NKDG-PM (300 Honda SCR110) đã nộp, chờ phân bổ vào giá vốn hàng bán năm 2009.	1.584.751.144
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.882.308.615</b>

(b) Chi tiết chi phí trả trước ngắn hạn tại Chi nhánh Hà Nội như sau

	31/12/2008
Chi phí công cụ dụng cụ	7.278.995
Chi phí thuê nhà từ tháng 1/2009 đến tháng 6/2009	122.270.400

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

Tạm treo giá vốn cho các lô cà phê do hàng chưa chốt được giá trong năm 2008. 3.455.654.343

**Tổng cộng** **3.585.203.738**

(5.4.2) Chi tiết như sau:

	Văn phòng Công ty	Chi nhánh Hà Nội	Tổng
Tạm ứng	2.964.840.291	816.669.484	3.781.509.775
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.650.135.438	1.072.305.354	2.722.440.792
<b>Cộng</b>	<b><u>4.614.975.729</u></b>	<b><u>1.888.974.838</u></b>	<b><u>6.503.950.567</u></b>

### 5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	24.116.597.261	5.164.290.943	1.403.482.860	751.209.399	31.435.580.463
Mua sắm trong kỳ	-	72.013.600	325.869.000	29.195.000	427.077.600
Số dư cuối kỳ	<b><u>24.116.597.261</u></b>	<b><u>5.236.304.543</u></b>	<b><u>1.729.351.860</u></b>	<b><u>780.404.399</u></b>	<b><u>31.862.658.063</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	16.733.066.014	2.215.993.823	723.330.601	532.343.409	20.204.733.847
Khấu hao trong kỳ	1.098.322.381	544.802.616	208.428.044	74.299.359	1.925.852.400
Số dư cuối kỳ	<b><u>17.831.388.395</u></b>	<b><u>2.760.796.439</u></b>	<b><u>931.758.645</u></b>	<b><u>606.642.768</u></b>	<b><u>22.130.586.247</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	7.383.531.247	2.948.297.120	680.152.259	218.865.990	11.230.846.616
Tại ngày cuối kỳ	<b><u>6.285.208.866</u></b>	<b><u>2.475.508.104</u></b>	<b><u>797.593.215</u></b>	<b><u>173.761.631</u></b>	<b><u>9.732.071.816</u></b>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 816.053.027 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 22)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	23.174.465.882	43.250.000	23.217.715.882
Mua sắm trong kỳ	-	23.250.000	23.250.000
Số dư cuối kỳ	<b>23.174.465.882</b>	<b>66.500.000</b>	<b>23.240.965.882</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	1.333.336	1.333.336
Khấu hao trong kỳ	-	11.300.004	11.300.004
Số dư cuối kỳ	-	<b>12.633.340</b>	<b>12.633.340</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	23.174.465.882	41.916.664	23.216.382.546
Tại ngày cuối kỳ	<b>23.174.465.882</b>	<b>53.866.660</b>	<b>23.228.332.542</b>

**5.7. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	2.351.118.560	-
Chuyển từ DNNN sang	-	2.110.668.451
Tăng trong năm	314.322.041	657.126.397
Đã kết chuyển vào chi phí trong năm	(529.637.963)	(416.676.288)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(5.7.1) 2.135.802.638</b>	<b>2.351.118.560</b>

(5.7.1) Chi tiết như sau:

	31/12/2008
Chi phí công cụ dụng cụ còn phân bổ:	594.987.509
- Văn phòng Công ty	344.934.084
- Chi nhánh Hà Nội	250.053.425
Chi phí đền bù hoa màu thừa 346, Phường 15, Quận Tân Bình	1.540.815.129
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.135.802.638</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.8. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	11.324.338	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.324.338</b>	

### 5.9. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ thuê văn phòng Công ty	192.600.000	192.600.000
Ký quỹ xuất khẩu lao động	22.000.000	22.000.000
<b>Cộng</b>	<b>214.600.000</b>	<b>214.600.000</b>

### 5.10. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

		Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	(5.10.1)	77.122.684.000	63.532.390.700
Chi nhánh Hà Nội	(5.10.2)	78.610.399.792	29.346.292.537
<b>Tổng cộng</b>		<b>155.733.083.792</b>	<b>92.878.683.237</b>

(5.10.1) Chi tiết như sau:

Vay ngân hàng	Hợp đồng tín dụng	Mục đích vay	Số tiền nợ đến ngày 31/12/2008		
			USD	VND	Tổng
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình	Hợp đồng số 1007-LAV-200800819	Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký	153.400 USD, tương đương 2.669.160.000 đồng.	2.900.000.000	5.569.160.000
	Hợp đồng số 2000-LAV-200803960		370.500 USD, tương đương 6.446.700.000 đồng	-	6.446.700.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	- Hợp đồng số 409/2008/TĐ. NH/NHQĐ-HCM/KHDN		-	2.380.000.000	2.380.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Lê Văn Sỹ	Hợp đồng hạn mức số LVS.DN.0121 0508/HM		1.019.760 USD tương đương 17.743.824.000 đồng	44.983.000.000	62.726.824.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>77.122.684.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

(5.10.2.) Chi tiết như sau:

Vay ngân hàng	Mục đích vay	Số tiền nợ đến ngày 31/12/2008		
		USD	VND	Tổng
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn – Chi nhánh Hà Nội	Thanh toán L/C nhập khẩu	98.874,03 USD, tương đương 1.678.584.407 đồng.	-	1.678.584.407
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn – Hội sở Láng Hạ	Thanh toán tiền mua cà phê xuất khẩu	764.795,25 USD, tương đương 12.983.928.969 đồng.	54.004.611.356	66.988.540.325
- Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex	Thanh toán tiền mua cà phê xuất khẩu	-	739.410.900	739.410.900
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn – Chi nhánh Tây Hà Nội	Thanh toán L/C nhập khẩu	-	9.203.864.160	9.203.864.160
<b>Tổng cộng</b>				<b>78.610.399.792</b>

### 5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	(5.11.1)	7.630.154.013	4.199.576.104
Người mua trả tiền trước	(5.11.2)	35.649.176.371	49.725.221.683
<b>Tổng cộng</b>		<b>43.279.330.384</b>	<b>53.924.797.787</b>

(5.11.1) Chi tiết như sau:

		31/12/2008
Văn phòng Công ty	(a)	6.136.885.954
Chi nhánh Hà Nội	(b)	1.493.268.059
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.630.154.013</b>

(a) Một số nhà cung cấp có số dư lớn tại Văn phòng Công ty là:

		31/12/2008	Ngoại tệ USD
AUSTRALIAN RURAL EXPOERTS PTY LTD.		2.223.093.600	# 127.764,00
DAMACO FOODS PTE LTD		3.178.777.464	# 182.688,36
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.401.871.064</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(b) Chi tiết như sau:

	<b>31/12/2008</b>	<b>Ngoại tệ USD</b>
AJU Auto Service Co, LTD	107.209.755 #	6.315,00
Goodyear Singapore	316.507.304 #	18.643,30
Green Trading Co, Ltd	237.678.000 #	14.000,00
Nanjing Feilong Composite Co, Ltd	831.873.000 #	49.000,00
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.493.268.059</u></b>	

(5.11.2) Chi tiết như sau:

	<b>31/12/2008</b>
Văn phòng Công ty	(c) 28.607.569.662
Chi nhánh Hà Nội	(d) <u>7.041.606.709</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>35.649.176.371</u></b>

(c) Một số khách hàng có số dư lớn tại Văn phòng Công ty là:

	<b>31/12/2008</b>
Công ty TNHH 1 Thành Viên Thương Tín Bảy	(*) 25.000.000.000
Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Intimex	<u>1.575.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>26.575.000.000</u></b>

(\*) Khoản tiền ứng trước theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 016-HĐ/2007/SACOMREAL-GENERALIMEX giữa Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp II và Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Tín Bảy về việc hợp tác kinh doanh đầu tư thực hiện dự án xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê Generalimex- Sacomreal Building tại địa chỉ số 66 Phó Đức Chính, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

(d) Một số khách hàng có số dư lớn tại Chi nhánh Hà Nội là:

	<b>31/12/2008</b>
CN Công ty TNHH Cà phê Vĩnh An tại Đồng Nai	1.551.308.426
Công ty TNHH TB Vật tư Hà Nội	<u>3.204.076.973</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>4.755.385.399</u></b>

(Phần tiếp theo ở trang 26)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Thuế GTGT phải nộp	1.900.960.504	193.549.497
Thuế TTĐB	478.266.378	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	486.663.036	1.113.819.877
Thuế xuất nhập khẩu	1.331.245.686	4.015.824.274
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	38.805.750
Thuế khác	98.290.679	25.282.007
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>4.295.426.283</u></b>	<b><u>5.387.281.405</u></b>

**5.13. Chi phí phải trả**

Số dư ngày 31/12/2008 của khoản chi phí phải trả bao gồm:

	<b>31/12/2008</b>
Chi phí thuê đất (Công ty Quản lý & Phát triển Đô thị - Thủ Đức)	30.000.000
Giá vốn hàng bán cà phê – Công ty TNHH Cà phê Hoàng Thiên	696.214.638
Chi phí kiểm toán năm 2008	70.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>796.214.638</u></b>

**5.14. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	26.083.466	77.829.602
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	65.989.225	117.137.989
Phải trả về cổ phần hóa	21.501.372.455	21.896.422.209
<b>Khoản phải trả khác (5.14.1)</b>	<b>22.989.729.696</b>	<b>16.121.578.432</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>44.583.174.842</u></b>	<b><u>38.212.968.232</u></b>

(5.14.1) Chi tiết như sau:

	<b>31/12/2008</b>
<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>(a) 22.372.355.779</b>
Chi nhánh Hà Nội	(b) 617.373.917
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>22.989.729.696</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(a) Chi tiết như sau:

	<b>31/12/2008</b>
Công nợ giai đoạn II - Ngân hàng Công thương CN Q.1	4.584.517.974
Công nợ giai đoạn II - Ngân hàng Ngoại thương CN TP.HCM	230.669.362
Công nợ giai đoạn II - Ngân hàng Ngoại thương CN Vũng Tàu	225.783.975
Cổ tức phải trả năm 2007	1.275.000.000
Công ty TNHH TM Tân Nghệ An	5.000.000.000
Công ty TNHH Điện Lạnh Sài Gòn	180.000.000
Cơ Sở Ngoại Ngữ Nhật Tinh Việt – đặt cọc thuê mặt bằng	24.000.000
Hải Quan Khu Vực 1 – Thuế nhập khẩu còn phải nộp	235.077.418
Phí đào tạo xuất khẩu lao động	637.414.678
Thù lao HĐQT phải trả	117.076.872
Bà Vũ Thị Thu	25.315.500
Đặt cọc xuất khẩu lao động	8.690.000.000
Cổ tức phải trả đợt 1 năm 2008	1.147.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>22.372.355.779</u></b>

(b) Chi tiết như sau:

	<b>31/12/2008</b>
Nhận tiền đặt cọc thành lập cơ sở của Chi nhánh - Cơ sở dạy nghề	100.000.000
Khoản nhận hộ người lao động vay của ngân hàng	56.350.000
Lao động đặt cọc chống trốn	428.820.000
Thu hộ Lao động tiền đặt cọc ký quỹ tại ngân hàng	32.200.000
Khác	3.917
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>617.373.917</u></b>

**5.15. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Văn phòng Công ty	427.880.980	585.859.555
Chi nhánh Hà Nội	40.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>467.880.980</u></b>	<b><u>585.859.555</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 5.16. Vốn chủ sở hữu

#### 5.16.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: triệu đồng					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	-	-	-	-	-	-
Chuyển từ DNNN sang	25.000	-	-	-	836	25.836
Lợi nhuận trong năm trước	-	2.525	1.646	337	168	4.676
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	(1.000)	(1.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>25.000</b>	<b>2.525</b>	<b>1.646</b>	<b>337</b>	<b>4</b>	<b>29.512</b>
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	5.251	378	378	189	6.196
Tăng khác	-	-	-	-	185	185
Giảm khác	-	(5.599)	(336)	-	(378)	(6.313)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>25.000</b>	<b>2.177</b>	<b>1.688</b>	<b>715</b>	<b>-</b>	<b>29.580</b>

#### 5.16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2007
Cổ phần Nhà Nước	51,00 %	12.750.000.000
Các cổ đông khác	49,00 %	12.250.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00 %</b>	<b>25.000.000.000</b>

#### 5.16.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.116.613.773.786	565.468.659.508
Chiết khấu thương mại	-	(32.694.265)
Hàng bán bị trả lại	(219.710.348)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.116.394.063.438</b>	<b>565.435.965.243</b>
Giá vốn hàng bán	1.062.630.019.295	530.886.761.169
<b>Lãi gộp</b>	<b>53.764.044.143</b>	<b>34.549.204.074</b>
Tỉ lệ lãi gộp/DT thuần	4,82%	6,11%

**6.2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	717.615.888	654.536.663
Lãi trả chậm	-	846.269.699
Chênh lệch tỉ giá (6.2.1)	1.759.162.712	37.606.355
Doanh thu hoạt động TC khác	20.125.000	766.574.264
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.496.903.600</b>	<b>2.304.986.981</b>

(6.2.1) Chi tiết như sau:

	Văn phòng Công ty	Chi nhánh Hà Nội	Tổng cộng
Lãi CLTG chưa thực hiện	333.758.870	48.578.194	382.337.064
Lãi CLTG đã thực hiện	241.962.376	1.134.863.272	1.376.825.648
<b>Tổng cộng</b>	<b>575.721.246</b>	<b>1.183.441.466</b>	<b>1.759.162.712</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**6.3. Chi phí tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền vay	19.909.148.104	4.663.994.696
Chênh lệch tỷ giá (6.3.1)	2.134.006.763	181.405.536
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.198.224	573.579.601
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.044.353.091</b>	<b>5.418.979.833</b>

(6.3.1) Chi tiết như sau:

	<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>Chi nhánh Hà Nội</b>	<b>Tổng cộng</b>
Lỗ CLTG chưa thực hiện	252.916.063	-	252.916.063
Lỗ CLTG đã thực hiện	292.256.177	1.588.834.523	1.881.090.700
<b>Tổng cộng</b>	<b>545.172.240</b>	<b>1.588.834.523</b>	<b>2.134.006.763</b>

**6.4. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	3.944.095.228	6.794.574.273
Chi phí vật liệu quản lý	-	12.470.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.674.860	36.364.720
Chi phí khấu hao TSCĐ	943.647.695	961.568.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.794.486.238	1.904.036.530
Chi phí bằng tiền khác	3.768.904.154	1.771.664.101
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.454.808.175</b>	<b>11.480.678.135</b>

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	5.552.407.562	3.676.439.418
Chi phí vật liệu quản lý	9.786.042	13.798.634
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	219.735.921	190.086.400
Chi phí khấu hao TSCĐ	993.504.709	1.449.961.397
Thuế, phí lệ phí	69.516.000	16.263.796



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

Chi phí dự phòng	-	10.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.681.475.511	3.765.782.694
Chi phí bằng tiền khác	4.859.986.517	6.640.883.520
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.386.412.262</b>	<b>15.763.215.859</b>

**6.6. Thu nhập khác**

		Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	(6.6.1)	3.737.771.216	1.138.534.391
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.737.771.216</b>	<b>1.138.534.391</b>

(6.6.1) Chi tiết như sau:

	Văn phòng Công ty	Chi nhánh Hà Nội	Tổng cộng
Thu tiền thanh lý hàng	7.285.000	-	7.285.000
Thu tiền lãi trả chậm	100.000.000	-	100.000.000
Điều chỉnh công nợ	1.859.083.942	19.515.892	1.878.599.834
Thu lãi vay quá hạn	1.596.934.386	-	1.596.934.386
Thu tiền điện XN Kimono	4.864.000	-	4.864.000
Thu thanh lý Hợp đồng XKLD	150.000.000	-	150.000.000
Khác	18.160	69.836	87.996
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.718.185.488</b>	<b>19.585.728</b>	<b>3.737.771.216</b>

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời chịu thuế (6.7.1)	11.324.338	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.324.338</b>	<b>-</b>

(6.7.1) Chi phí thuế hoãn lại được tính như sau:

	Năm nay
Chênh lệch tạm thời chịu thuế	129.421.001
<i>Chênh lệch tỷ giá cuối năm chưa thực hiện</i>	<i>129.421.001</i>
Thuế suất thuế TNDN năm 2009	25%

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thuế TNDN hoãn lại	32.355.250
Ưu đãi giảm thuế TNDN 50%	(16.177.625)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 – 30% cho năm 2009	(4.853.287)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại được khấu trừ trong năm 2009</b>	<b>11.324.338</b>

**7. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>7.1 Bộ trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
7.1.1 Bộ trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/Tổng số tài sản	%	13,64	17,45
- Tài sản lưu động/Tổng số tài sản	%	86,36	82,55
7.1.2 Bộ trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	89,40	86,84
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng số nguồn vốn	%	10,60	13,16
<b>7.2 Khả năng thanh toán</b>			
7.2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,12	1,15
7.2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	0,97	0,97
7.2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,06	0,03
7.2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	76,35	9,83
<b>7.3 Tỷ suất sinh lời</b>			
7.3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	0,47	0,83
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	0,47	0,83
7.3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,88	2,09
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,88	2,09
7.3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn CSH	%	17,75	15,84

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP II**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

**8. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 được Tổng Giám đốc phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 02 năm 2009.

Ngày 20 tháng 02 năm 2009

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN TRÍ HÙNG**

**BÙI VŨ QUÝ**